

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26 - 4 - 2021  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung giữa ông A và bà N

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Diệp Song Tiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Đình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 310/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Ông Phan Hoàng A, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

*- Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Hoàng A trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Cẩm N tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên ông A yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N. Ông A xác

định: Nghề nghiệp của ông là thợ xây dựng, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Trong quá trình chung sống giữa ông và bà N có hai người con chung tên là Phan Nguyễn Bích T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006 và Phan Hoàng Quân Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, hiện tại do ông A đang nuôi dưỡng. Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: ông A xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2021, người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T xác định: khi cha mẹ cháu là ông Phan Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Phan Hoàng A.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2021, người con chung có tên là Phan Hoàng Quân Đ xác định: khi cha mẹ cháu là ông Phan Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Phan Hoàng A.

Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Phan Hoàng A và nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Cẩm N, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Cẩm N đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Cẩm N.

[3] Ông Phan Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông Phan Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N nhưng bà N vắng mặt. Việc bà N vắng mặt thể hiện bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông A. Ông A xác định ông không còn tình cảm với bà N, ông A giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với bà N. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông A và bà N đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa ông A và bà N có hai người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006 và Phan Hoàng Quân Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, ông A yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung là phù hợp vì hai người con chung đang sống cùng với ông A nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Mặt khác, bà N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông A về nuôi con chung. Đồng thời, hai người con chung có nguyện vọng sống cùng với ông A. Do đó, giao cho ông A được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006 và Phan Hoàng Quân Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012. Ông A không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T và Phan Hoàng Quân Đ; Vì lợi ích của người con chung, ông A, bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; ông A, bà N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: ông A xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Hoàng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Hoàng A về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Ông Phan Hoàng A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Về con chung: ông Phan Hoàng A có quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006 và Phan Hoàng Quân Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, hiện ông A đang nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Phan Nguyễn Bích T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006 và Phan Hoàng Quân Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, ông A cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà N thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Nguyễn Thị Cẩm N lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Phan Hoàng A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Nguyễn Thị Cẩm N.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì ông A, bà N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông A, bà N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Ông Phan Hoàng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000752 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Cẩm N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền